

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SYT-VP

Bình Định, ngày tháng 7 năm 2021

V/v giảm mức thu phí, lệ phí theo
Thông tư số 47/2021/TT-BTC
nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn
cho đối tượng chịu ảnh hưởng
bởi dịch Covid-19

Kính gửi: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh

Thực hiện Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 của Bộ Tài chính Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Sở Y tế rà soát, liệt kê một số thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế thực hiện giảm mức thu phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 của Bộ Tài chính áp dụng từ ngày 01/7/2021 đến ngày 31/12/2021 (theo phụ lục đính kèm).

Sở Y tế Thông báo Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh biết, phối hợp thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Các phòng thuộc Sở;
- Văn phòng Sở (a.Vinh 1 cửa TTPVHCC tỉnh);
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Lê Quang Hùng

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC GIẢM MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ
(Áp dụng từ ngày 01/7/2021 đến ngày 31/12/2021
theo Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 của Bộ Tài chính)

TT	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức thu (đồng) trước khi áp dụng Thông tư số 47/2021/TT-BTC	Mức thu (đồng) khi áp dụng Thông tư số 47/2021/TT-BTC
1	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám, điều trị bệnh nghề nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	1.008069.000.00.00.H08	4.300.000	3.010.000
2	Cấp lần đầu chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	1.003709.000.00.00.H08	360.000	252.000
3	Cấp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	1.003773.000.00.00.H08	360.000	252.000
4	Cấp điều chỉnh chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp đề nghị thay đổi họ và tên, ngày tháng năm sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	1.003787.000.00.00.H08	150.000	105.000
5	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh bị mất hoặc hư hỏng chứng chỉ hành nghề hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	1.003800.000.00.00.H08	150.000	105.000
6	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	1.003824.000.00.00.H08	150.000	105.000
7	Cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	1.003748.000.00.00.H08	360.000	252.000
8	Cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập	1.003848.000.00.00.H08	10.500.000	7.350.000

9	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	1.003876.000.00.00.H08	5.700.000	3.990.000
10	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	1.003803.000.00.00.H08	4.300.000	3.010.000
11	Cấp giấy phép hoạt động đối với nhà hộ sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	1.003774.000.00.00.H08	5.700.000	3.990.000
12	Cấp giấy phép hoạt động đối với trạm xá, trạm y tế xã	1.003746.000.00.00.H08	3.100.000	2.170.000
13	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi địa điểm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	1.003644.000.00.00.H08		
	- Phí thẩm định Bệnh viện		10.500.000	7.350.000
	- Phí thẩm định Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, bệnh xá thuộc lực lượng Công an nhân dân, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình (hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo nguyên lý y học gia đình)		5.700.000	3.990.000
	- Phí thẩm định Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám, tư vấn và Điều trị dự phòng, Phòng khám, Điều trị bệnh nghề nghiệp, Phòng chẩn đoán hình ảnh, phòng X quang, Phòng xét nghiệm, Cơ sở dịch vụ y tế, Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác		4.300.000	3.010.000
	- Phí thẩm định Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế cấp xã, trạm xá và tương đương		3.100.000	2.170.000
14	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	1.003628.000.00.00.H08	1.500.000	1.050.000
15	Điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế:	1.003547.000.00.00.H08		
	- Phí thẩm định cấp GPHĐ khi thay đổi quy mô giường bệnh, cơ cấu tổ chức Bệnh viện	1.003547.000.00.00.H08	10.500.000	7.350.000
	- Phí thẩm định cấp GPHĐ khi thay đổi quy mô giường bệnh, cơ cấu tổ chức Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, bệnh xá thuộc lực lượng Công an nhân dân, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình (hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo nguyên lý y học gia đình)	1.003547.000.00.00.H08	5.700.000	3.990.000

	- Phí thẩm định cấp GPHĐ khi thay đổi quy mô giường bệnh, cơ cấu tổ chức Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám, tư vấn và Điều trị dự phòng, Phòng khám, Điều trị bệnh nghề nghiệp, Phòng chẩn đoán hình ảnh, phòng X quang, Phòng xét nghiệm, Cơ sở dịch vụ y tế, Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác	1.003547.000.00.00.H08	4.300.000	3.010.000
	- Thẩm định cấp GPHĐ khi thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn	1.003547.000.00.00.H08	4.300.000	3.010.000
16	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	1.003531.000.00.00.H08	1.500.000	1.050.000
17	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất, hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền	1.003516.000.00.00.H08	1.500.000	1.050.000
18	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	1.002467.000.00.00.H08	300.000	210.000
19	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1.002944.000.00.00.H08	300.000	210.000
20	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A	1.003029.000.00.00.H08	1.000.000	700.000
21	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	1.003039.000.00.00.H08	3.000.000	2.100.000
22	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	1.003006.000.00.00.H08	3.000.000	2.100.000
23	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:	1.002425.000.00.00.H08		
	- Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ	1.002425.000.00.00.H08	500.000	450.000
	- Đối với cơ sở sản xuất khác	1.002425.000.00.00.H08	2.500.000	2.250.000
	- Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống Phục vụ dưới 200 suất ăn	1.002425.000.00.00.H08	700.000	630.000

	- Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống Phục vụ từ 200 suất ăn trở lên	1.002425.000.00.00.H08	1.000.000	900.000
24	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	1.003348.000.00.00.H08	1.500.000	1.350.000
25	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	1.003332.000.00.00.H08	1.500.000	1.350.000
26	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	1.003108.000.00.00.H08	1.100.000	990.000